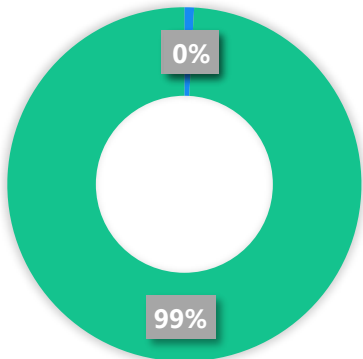


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,900
SL cổ phiếu LH		6,050,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		26,480
% sở hữu nước ngoài		0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		26
P/E		-367.7
EPS		-12

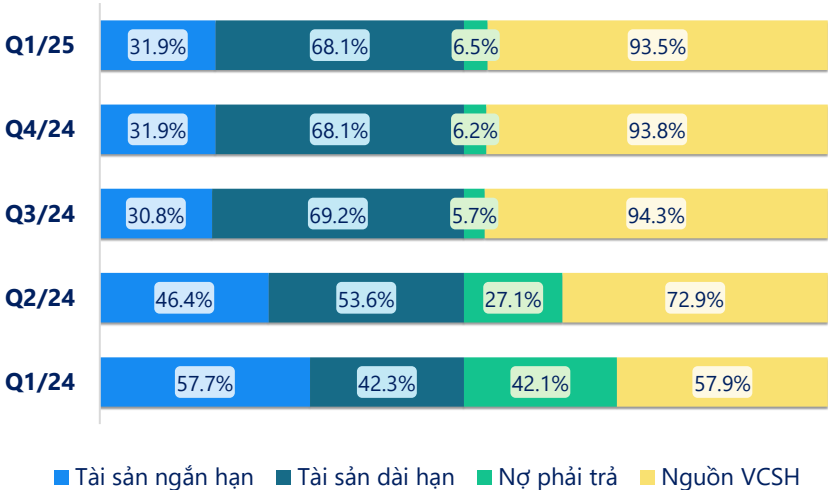
	YTD	1T	3T	6T
CET	-4.4%	0.0%	-6.5%	-6.5%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu sở hữu



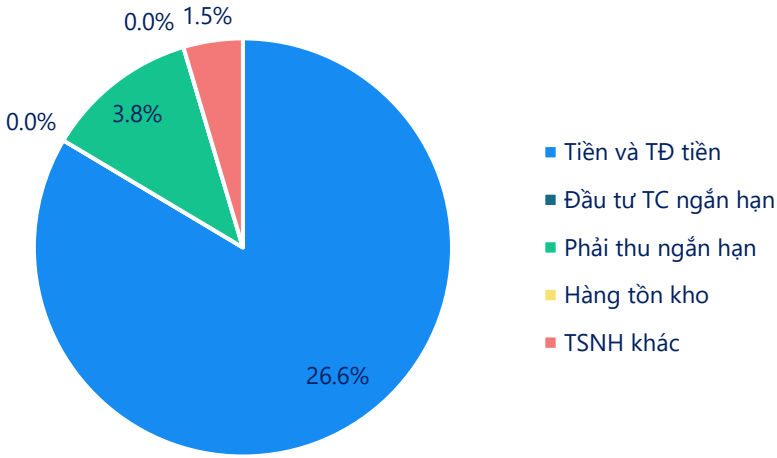
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

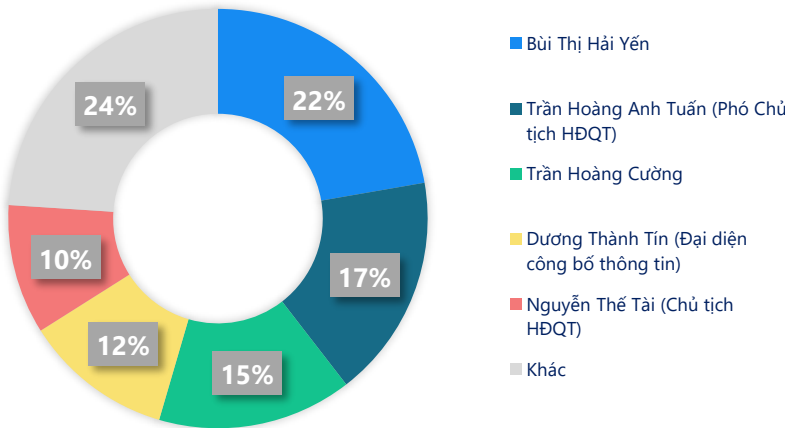
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q1/25

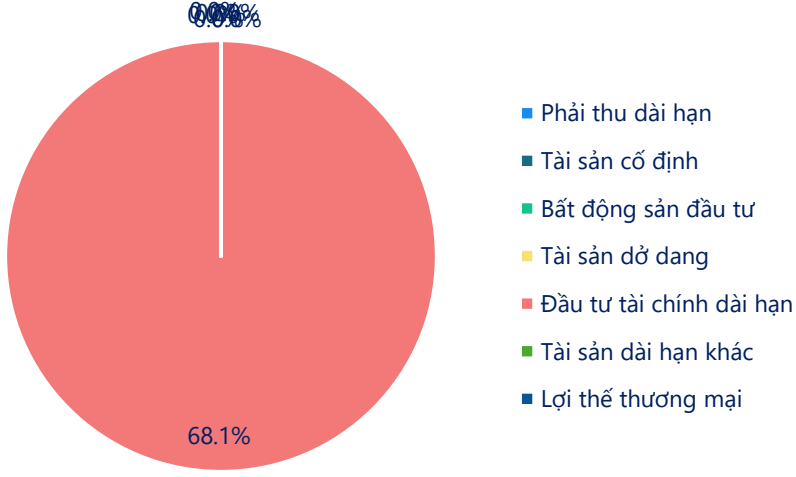
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



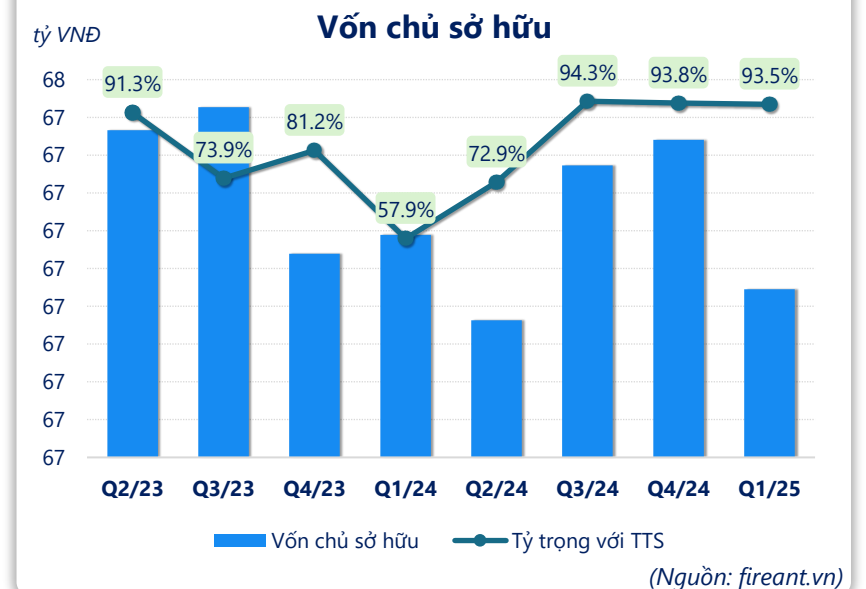
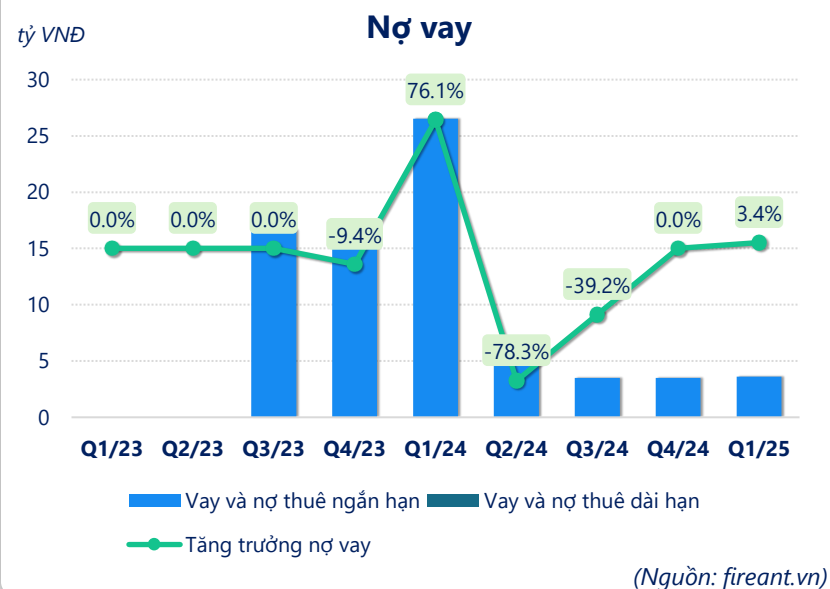
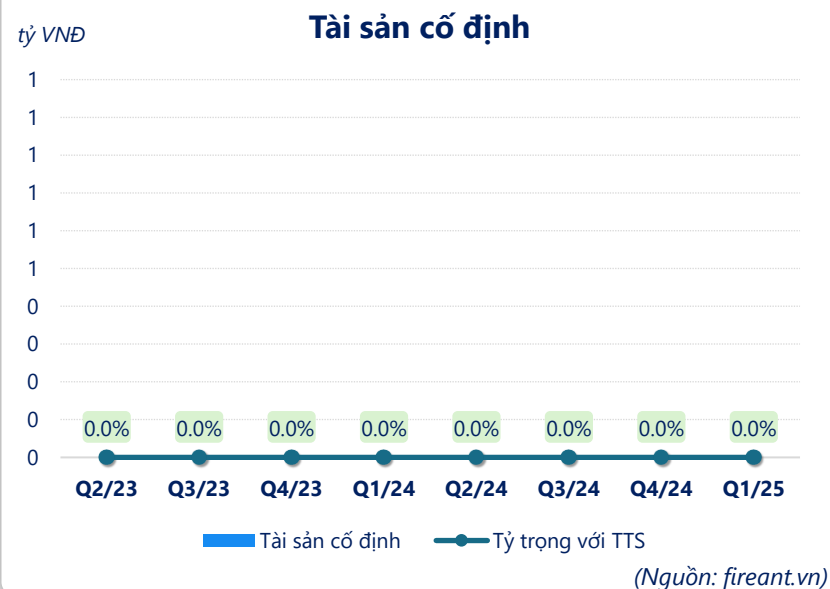
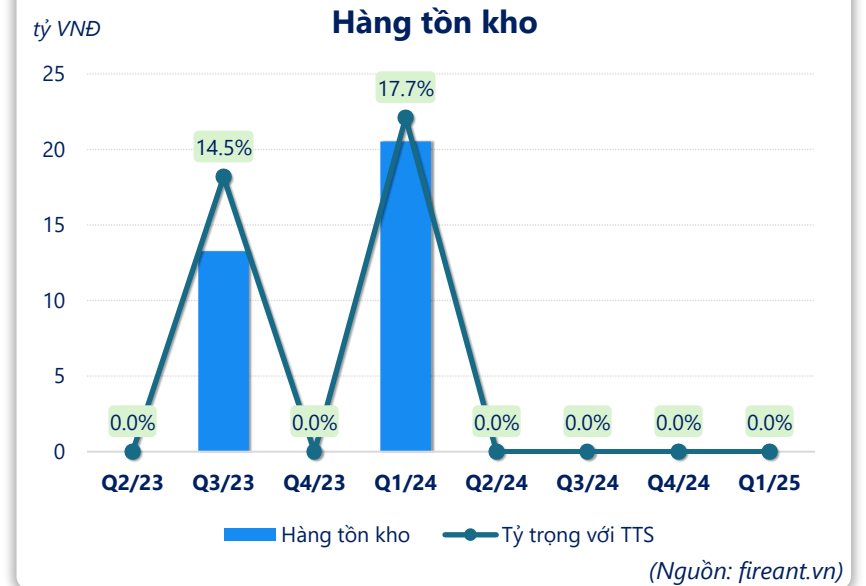
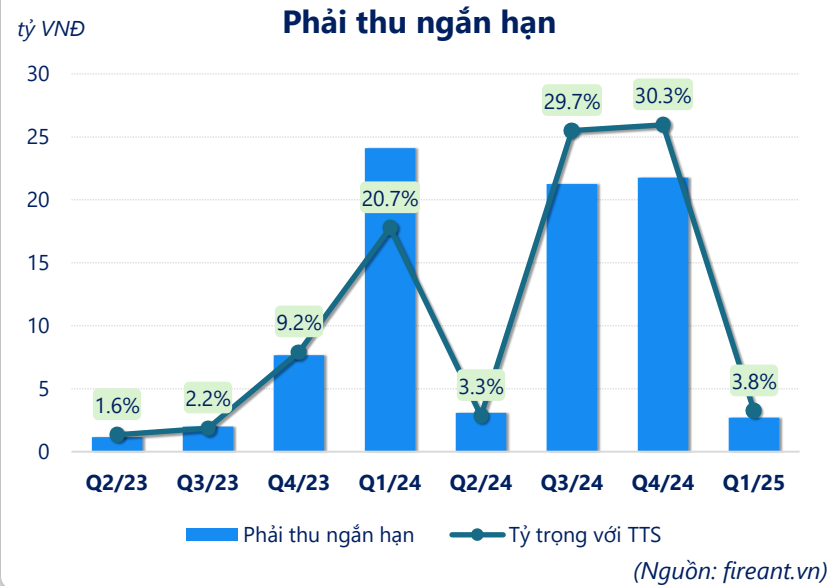
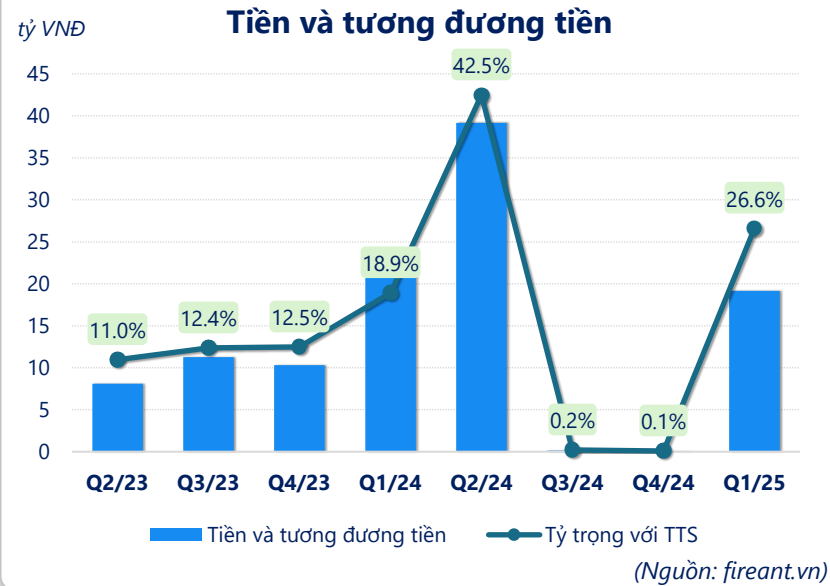
(Nguồn: fireant.vn)

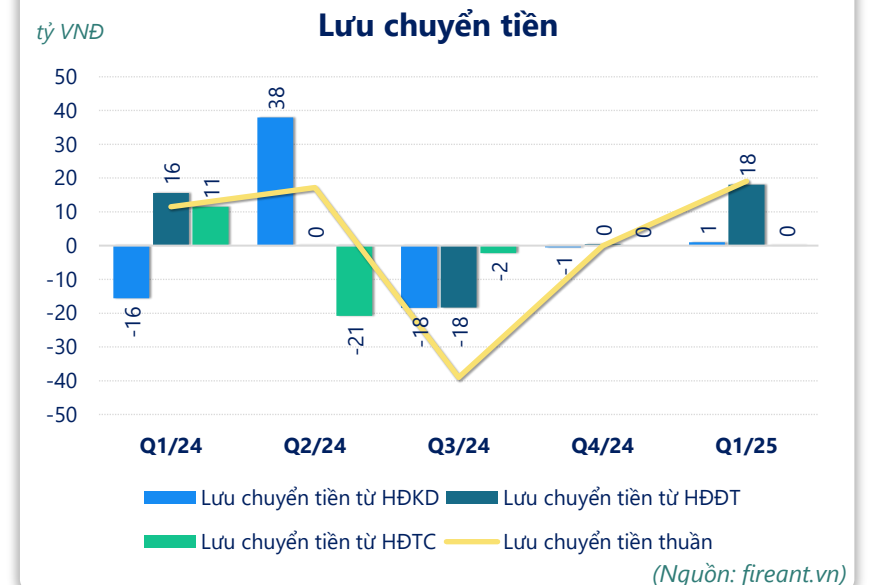
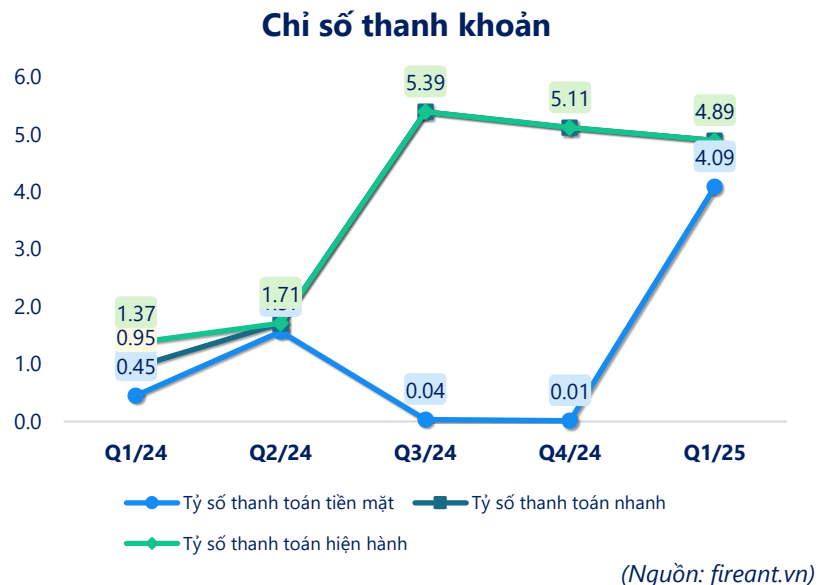
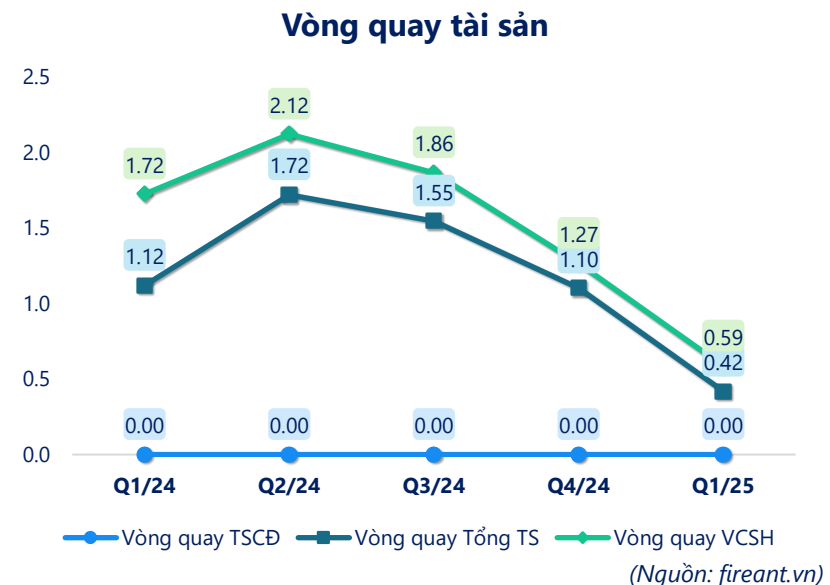
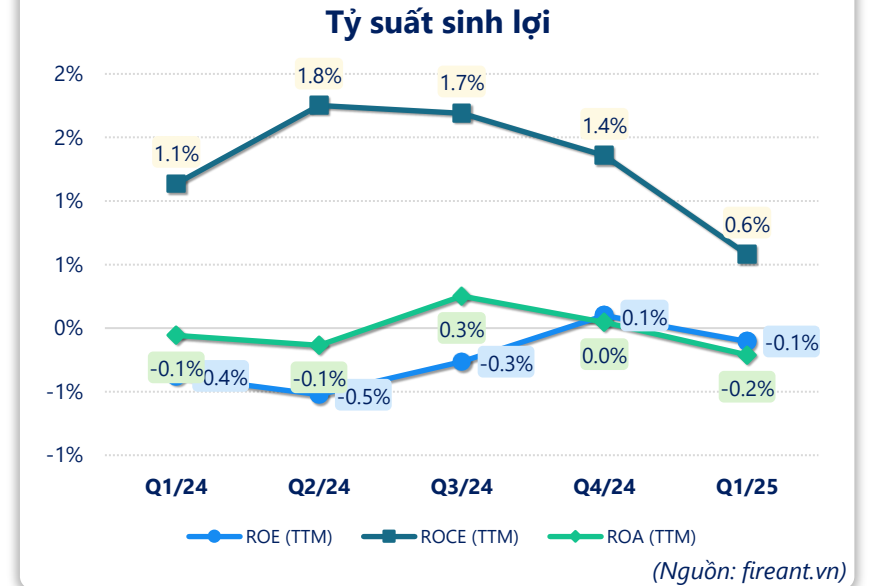
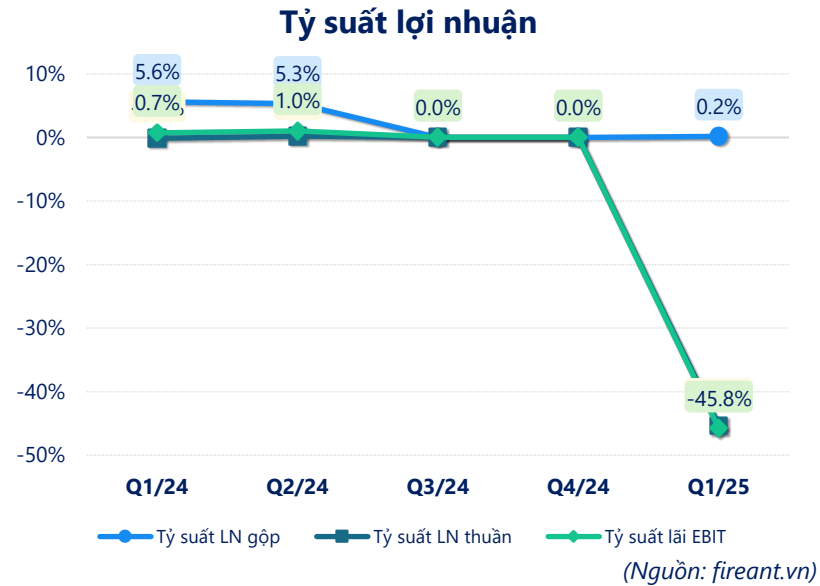
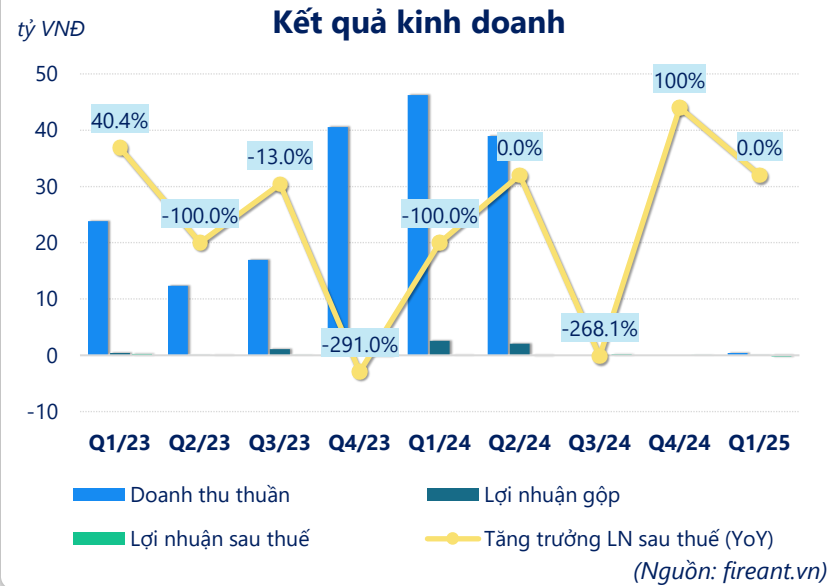
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



Q1/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	71.9	71.9	0.0%
Tài sản ngắn hạn	22.9	22.4	2.3%
Tiền và tương đương tiền	19.1	0.06	30899%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2.71	21.8	-87.5%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	0.57	85.1%
Tài sản dài hạn	49.0	49.5	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	49.0	49.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0.50	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4.69	4.48	4.6%
Nợ ngắn hạn	4.69	4.48	4.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.62	3.50	3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.38	0.10	272%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	-0.3%
Vốn chủ sở hữu	67.2	67.4	-0.3%
Vốn điều lệ	60.5	60.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	46.2	39.0	0	0	0.43
Giá vốn hàng bán	43.7	36.9	0	0	0.43
Lợi nhuận gộp	2.59	2.06	0	0	0.00
Doanh thu HĐTC	0.30	0.73	0.61	0.52	0.04
Chi phí TC	0.49	0.33	0.01	0	0
Chi phí lãi vay	0.39	0.33	0.01	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.91	1.69	0	0	0
Chi phí QLDN	0.55	0.71	0.45	0.48	0.24
LN thuần từ HĐKD	-0.05	0.07	0.15	0.04	-0.20
Lợi nhuận khác	-0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	-0.06	0.07	0.14	0.04	-0.20
Lợi nhuận sau thuế	-0.06	-0.11	0.21	0.04	-0.20
LNST của CĐ cty mẹ	-0.06	-0.11	0.21	0.04	-0.20

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-15.6	38.0	-18.4	-0.53	0.96
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.6	0.01	-18.4	0.45	18.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	11.5	-20.8	-2.25	0	0.12
Tiền đầu kỳ	10.5	22.0	39.2	0.15	0.06
Lưu chuyển tiền thuần	11.5	17.2	-39.0	-0.08	19.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	22.0	39.2	0.15	0.06	19.1

(Nguồn: fireant.vn)